TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/DS-PT
Ngày: 14-3-2019
V/v tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Mỹ Giang

Các Thẩm phán: Ông Trần Mười

Bà Trịnh Thị Thu Lan

- Thư ký phiên toà: Ông Đỗ Quang Hải - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Ông Võ Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 14-3-2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2018/TLPT-DS ngày 25-12-2018, về việc: *"Tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 23/2018/DSST ngày 10-10-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2019/QĐ-PT ngày 30-01-2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2019/QĐ-PT ngày 28-02-2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Ngô Minh C - sinh năm 1954;

Cư trú tại: Số 383 đường TS, khu vực 5, phường QT, thành phố QN, tỉnh Bình Định.

Người bảo vệ quyền và lợi hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Đức Nhân là Luật sư của Văn phòng luật sư Công Anh, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn*: Ông Ngô Đức M - sinh năm 1941;

Cư trú tại: Đội 4, thôn TP, xã PP, huyện ĐP, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Thị Bích Thủy là Luật sư của Văn phòng luật sư Tường Thủy, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi (Theo yêu cầu của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Huỳnh Thị H- sinh năm 1946;

2. Anh Ngô Đức T - sinh năm 1972;

3. Chị Lương Thị Tú T1 - sinh năm 1977;

Cùng cư trú tại: Thôn TP, xã PP, huyện ĐP, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Bà Ngô Thị S - sinh năm 1947;

Cư trú tại: Thôn Vạn Lý, xã Phổ Phong, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Anh Ngô Đức S1 - sinh năm 1976;

Địa chỉ: Thôn TP, xã PP, huyện ĐP, tỉnh Quảng Ngãi.

Tạm trú tại: Số 85B/31 Quốc lộ BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo*: Ông Ngô Minh C là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Ngô Minh C trình bày:

Nguyên cha ông là cụ ông Ngô Cầu (tên thường gọi là Giáo) chết năm 1959 và mẹ ông là cụ bà Ngô Thị Thừa chết năm 1969 tạo mãi một thửa đất diện tích 1.664m^2 tại thôn TP, xã PP, huyện ĐP, tỉnh Quảng Ngãi. Cha mẹ ông đã làm nhà ở, trồng cây lâu năm và quản lý sử dụng đến khi chết. Cha mẹ ông có 08 người con nhưng đã chết 06 người, chỉ còn lại ông và bà Ngô Thị S. Do chiến tranh và ông thì công tác ở tỉnh Nghĩa Bình (nay là tỉnh Bình Định) nên ông có gửi thửa đất của cha mẹ ông cho ông Ngô Đức M là người có nhà đất liền kề quản lý, trông coi giúp. Tuy nhiên, lợi dụng việc ông ở xa ông M đã tự ý phá hàng rào ranh giới giữa hai mảnh vườn, kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo Chỉ thị 299/TTg. Đến năm 1986 ông về thương lượng với ông M để lấy lại mảnh vườn làm nhà thờ nhưng lúc đó ông M không có ở nhà vì đi tù. Sau đó ông M đi tù về cùng con ông là Ngô Đức T xây dựng nhà cửa trên thửa đất trên, ông đã nhiều lần làm đơn gửi đến chính quyền địa phương can thiệp, hòa giải nhưng không được. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông Ngô Đức M và Ngô Đức T thu hoạch hoa màu, tháo dỡ căn nhà cấp 4,

trả lại diện tích 1.081,7m^2, ông chỉ yêu cầu ông Ngô Đức M trả lại diện tích đất 582,3m^2 tại thửa đất số 749, tờ bản đồ số 42 xã PP, huyện ĐP, tỉnh Quảng Ngãi.

Tại các bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Ngô Đức M trình bày:

Nguyên nguồn gốc thửa đất số 749, tờ bản đồ số 42 xã Phổ Phong của ông bà nội ông để lại cho cha mẹ ông. Sau khi cha mẹ ông chết thì ông quản lý, sử dụng cho đến nay. Trong phần đất trên có hơn 02 sào đất của cụ ông Ngô Cầu (tên thường gọi là Giáo) và cụ bà Ngô Thị Thừa, nhưng khi ông ở trên mảnh đất này thì không còn cụ Cầu, cụ Thừa nữa. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông không đồng ý.

Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền và nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị S trình bày:

Nguyên thửa đất 749, tờ bản đồ số 42 xã Phổ Phong, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi là của cha mẹ bà để lại như lời trình bày của ông Ngô Minh C là đúng. Sau khi giải phóng, ông C công tác ở tỉnh Bình Định, bản thân bà có chồng nên ông C có nhờ ông Ngô Đức M quản lý, trông coi giúp vì ông C ở xa, bản thân bà thiếu sự kiểm tra nên ông Ngô Đức M cùng con trai xây dựng nhà cửa, đăng ký kê khai quyền sử dụng đất trên thửa đất của cha mẹ bà để lại. Nay ông Ngô Minh C khởi kiện yêu cầu ông Ngô Đức M trả lại diện tích đất 582,3m^2 tại thửa đất số 749, tờ bản đồ số 42 xã Phổ Phong, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi thì bà thống nhất và giao cho ông C để xây dựng nhà thờ, thờ cúng ông bà.

Tại bản tự khai đề ngày 07-10-2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ngô Đức S1 trình bày:

Từ năm 1976 anh sống với cha mẹ ở thôn TP, xã PP, huyện ĐP, tỉnh Quảng Ngãi. Đến năm 2006, cha mẹ anh cho anh một mảnh đất có diện tích 40m^2 để làm nhà nhưng anh chỉ làm được nền nhà vì điều kiện kinh tế khó khăn, trải qua 13 năm nền nhà đã bị hư hỏng, xuống cấp không còn giá trị sử dụng nên anh không có yêu cầu gì đối với nền nhà đã xây dựng. Đối với yêu cầu khởi kiện đòi lại đất của ông Ngô Minh C, anh yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Ngô Đức T và chị Lương Thị Tú T1 không cung cấp văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án. Tại phiên tòa anh Ngô Đức T trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của ông Ngô Đức M và đối với yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Minh C thì anh không đồng ý.

Bản án số 23/2018/DSST ngày 10-10-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Minh C về việc buộc ông Ngô Đức M trả lại diện tích đất 582,3m^2 tại thửa đất số 749, tờ bản đồ số 42, xã Phổ Phong, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Ngô Đức M thu hoạch hoa màu, anh Ngô Đức T tháo dỡ căn nhà cấp 4 trả lại diện tích 1.081,7m^2. Trường hợp có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải quyết về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19-10-2018 nguyên đơn ông Ngô Minh C kháng cáo: Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông Ngô Đức M trả lại cho ông phần đất 582,3m^2 thuộc thửa đất số 749, tờ bản đồ số 42, xã Phổ Phong, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguồn gốc đất của cha mẹ nguyên đơn được bị đơn thừa nhận. Do điều kiện công tác ở xa nên nguyên đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người sử dụng đất như đăng ký, kê khai, nộp thuế cho Nhà nước. Bị đơn là người quản lý, sử dụng đất và kê khai theo Chỉ thị 299/TTg. Tuy nhiên, thửa đất này có được đưa vào hợp tác xã và được cân đối cho hộ gia đình bị đơn khi thực hiện Nghị định 64-CP hay không thì chưa có đầy đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh. Theo sổ giao khoán cho hộ gia đình bị đơn thì thửa đất này được xác định là đất trồng mì nhưng thực tế lại là đất thổ cư, mà đất thổ cư thì không đưa vào hợp tác xã và hợp tác xã giao đất theo Nghị định 64-CP là không đúng thẩm quyền. Đề nghị Hội đồng xét xử dừng phiên tòa để tạo điều kiện cho bị đơn thu thập thêm chứng cứ, trường hợp Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử thì đề nghị chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn vì chưa có căn cứ về việc Nhà nước thực hiện chính sách đất đai đối với thửa đất này.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Ngô Đức M tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn khởi kiện là không có căn cứ. Đất do hộ gia đình bị đơn sử dụng từ sau giải phóng, đã đăng ký quyền sử dụng đất theo Chỉ thị 299/TTg, nộp thuế cho Nhà nước. Trong quá trình sử dụng đất đã được hợp tác xã giao khoán và sau đó được Nhà nước cân đối theo Nghị định 64/CP. Cho dù đất có nguồn gốc của cha mẹ nguyên đơn nhưng gia đình bị đơn sử dụng ổn định và Nhà nước đã thực hiện chính sách đất đai, cân đối thửa đất này cho hộ gia đình bị đơn nên đề

nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai năm 2003 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phúc thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán tham gia phiên tòa, Thư ký phiên tòa, đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của nguyên đơn làm trong hạn luật định là hợp lệ.

Về nội dung: Thửa đất số 749, tờ bản đồ số 42 xã Phổ Phong có một phần của cha mẹ nguyên đơn, nguyên đơn công tác xa không quản lý, sử dụng đất; nguyên đơn trình bày có nhờ bị đơn trông coi giúp nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh; gia đình bị đơn quản lý, sử dụng đất ổn định từ sau giải phóng, đã được hợp tác xã giao khoán và sau đó được cân đối theo Nghị định 64-CP. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo nội dung tại Biên bản xác minh ngày 13-8-2018 và tài liệu kèm theo (Bút lục 169 - 171) thửa đất số 749, tờ bản đồ số 42 tại xã Phổ Phong, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi *(Sau đây viết tắt là thửa 749)* đã được cân đối cho hộ gia đình bị đơn Ngô Đức M gồm 03 nhân khẩu Huỳnh Thị H, Ngô Đức T và Ngô Đức S1. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà H vào tham gia tố tụng là thiếu sót, tuy nhiên bà H đã đồng ý tham gia tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm nên Tòa án cấp phúc thẩm đã bổ sung bà H tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lương Thị Tú T1, bà Huỳnh Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Ngô Đức S1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này là phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn ông Ngô Minh C không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cha mẹ nguyên đơn là cụ ông Ngô Cầu và cụ bà Ngô Thị Thừa để lại bao nhiêu mét vuông đất trong thửa 749, nhưng tại Biên bản lấy lời khai ngày 03-8-2017 (Bút lục 54) bị đơn ông Ngô Đức M thừa nhận trong thửa 749 có khoảng hơn 02 sào đất trước đây cha mẹ nguyên đơn là cụ Ngô Cầu và cụ Ngô Thị Thừa sử dụng,

từ sau năm 1975 gia đình bị đơn quản lý, sử dụng ổn định, liên tục, lời trình bày này của bị đơn phù hợp với kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Phổ Phong (Bút lục 55-57). Căn cứ Biên bản xác minh ngày 13-8-2018 và tài liệu kèm theo (Bút lục 170, 171) xác định trong quá trình quản lý, sử dụng thì thửa 749 (Theo bản đồ thực hiện Chỉ thị 299/TTg là thửa đất số 66, tờ bản đồ số 5 xã Phổ Phong diện tích 2.480m^2) là đất trồng mì, đã được đưa vào Hợp tác xã năm 1979 và được Nhà nước thực hiện cân đối cho hộ gia đình bị đơn khi thực hiện Nghị định 64-CP, tại thời điểm cân đối hộ gia đình bị đơn gồm 03 nhân khẩu là bà Huỳnh Thị H, anh Ngô Đức T và anh Ngô Đức S1. Như vậy, thửa 749 đã được Nhà nước giao cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi lại quyền sử dụng diện tích 582,3m^2 thuộc thửa đất số 749, tờ bản đồ số 42 tại xã Phổ Phong, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 56 Luật Đất đai năm 2013, nên kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, vì vậy miễn án phí dân sự phúc thẩm cho nguyên đơn là phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Minh C, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 23/2018/DSST ngày 10-10-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ.

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Ngô Minh C.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND, VKSND huyện Đức Phổ;
- Chi cục THADS huyện Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Mỹ Giang

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND, VKSND huyện Đức Phổ;
- Chi cục THADS huyện Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Mỹ Giang